

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HS-ST
Ngày 28-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Đàm Thiều Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Tuấn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Tràng Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2020/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Hoàng Văn V, tên gọi khác: Không; sinh ngày 19 tháng 12 năm 1993, tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Quốc T và bà Vi Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; hiện bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác tại nhà tạm giam Công an, tỉnh Thái Nguyên từ ngày 15/5/2020 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1960, có mặt.

2. Bà Ma Thị N, sinh năm 1962, vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

3. Bà Lương Thị N, sinh năm 1956.

Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Anh Vi Văn T, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn B, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1972; Trú tại: Khu 1, thị Trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1872; Trú tại: Khu 2, thị Trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1989; Trú tại: Khu 2, thị Trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Anh Đỗ Xuân L, sinh năm 1990; Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày mùng 05 và 06/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Tràng Định tiếp nhận tin báo của chị Nguyễn Thị V trình báo, bà Lương Minh N (là mẹ đẻ) bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản 05 thẻ điện thoại mỗi thẻ trị giá 100.000đ và 01 bao thuốc lá Thăng Long; chị Hoàng Thị N trình báo ông Hoàng Văn S và bà Ma Thị N (là bố mẹ đẻ) bị lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô 12H1-061.83 và 01 chiếc điện thoại Viettel vỏ màu hồng; anh Vi Văn T trình báo bị lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại VIVO Y91. Người thực hiện hành vi lừa đảo là Hoàng Văn V.

Sau khi tiếp nhận tin báo, xác minh làm rõ xác định hành vi của Hoàng Văn V có có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Tràng Định đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra.

Quá trình điều tra chứng minh xác định được: Ngày 30/4/2020 Hoàng Văn V mượn xe mô tô biển kiểm soát 12H1-061.83, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn Xanh - Đen - Bạc của ông Hoàng Văn S là bác họ của V để đưa bạn về nhà. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày V đem xe mô tô về trả ông S. Do không có tiền mua ma túy, tiền chơi game và biết ông Hoàng Văn S có để giấy đăng ký xe mô tô trong cốp nên Hoàng Văn V nảy sinh ý định lấy chiếc xe của ông S mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cho nhu cầu cá nhân. Nên khoảng 19 giờ, ngày 02/5/2020 Hoàng Văn V đến nhà ông S hỏi mượn xe mô tô và nói dối là đưa bạn về nhà rồi sẽ quay về trả xe ngay. Do tin tưởng như lần mượn trước nên ông S đồng ý cho V mượn xe mô tô. Sau khi mượn được xe mô tô V đi ra và gặp bà Ma Thị N (vợ ông S) V hỏi mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL của bà N nói dối khi nào trả xe sẽ trả điện thoại. Nói xong Hoàng Văn V điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Đức T cầm cố chiếc xe và giấy tờ đăng ký xe lấy 4.500.000 đồng và hẹn ba ngày sau sẽ chuộc lại. Khi cầm cố anh T kiểm tra

xe thấy không chính tên, chính chủ, nên hỏi V về nguồn gốc xe thì V nói dối chiếc xe trên là của V mới mua chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ, đồng thời V đưa giấy chứng minh nhân dân cho T xem, nên T tin tưởng nhận cầm cố chiếc xe mô tô với V. Sau khi cầm cố xe lấy được tiền, V đi mua chất ma túy với một thanh niên không rõ họ tên và địa chỉ về sử dụng sau đó đến quán Internet tại khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn chơi game đến sáng ngày 05/5/2020 thì hết tiền. Khi không còn tiền chi tiêu cho nhu cầu cá nhân V tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, khi gặp anh Đỗ Xuân L tại quán Internet Boom Gaming thuộc khu 1, thị trấn T, huyện T. V hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 12T1-188.38 của L rồi đi đến cửa hàng tạp hoá của bà Lương Thị N, V giả vờ hỏi mua thẻ nạp điện thoại loại mệnh 500.000 đồng thì bà N nói "Không có", V bỏ đi khoảng năm phút sau thì quay lại hỏi mua 05 (năm) thẻ cào điện thoại Viettel loại mệnh giá 100.000 đồng khi bà N đưa thẻ điện thoại thì V bảo lấy thêm một bao thuốc lá Thăng Long loại vỏ cứng. Nhận thẻ và thuốc lá xong thì V nói dối ra xe lấy tiền trả, nhưng V ra đến xe điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng của Nguyễn Xuân Đ, trú tại khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn) bán 05 (năm) thẻ cho anh Nguyễn Xuân Đ được 450.000 đồng. Khi bán thẻ có tiền V đem xe mô tô về trả L và sử dụng số tiền trên cho việc chơi game và nhu cầu cá nhân hết. Sau khi hết tiền V đi bộ đến nhà Vi Văn T (là em con cậu ruột của V) chơi. Đến 20 giờ V nhờ T đưa về nhà, V biết được Thuởng có chiếc điện thoại VIVO Y91 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại, khi đi đến thôn Nà Sảng, xã Đ V bảo Thuởng dừng xe lại và mượn điện thoại nhãn hiệu VIVO Y91 của Thuởng để gọi cho bạn, khi Thuởng mở mặt khẩu điện thoại đưa cho V thì V giả vờ bấm gọi và đi vào trong ngõ rồi bảo Thuởng chờ 15 phút quay ra luôn. Khi lấy được điện thoại V đi ra chợ T bán chiếc điện của Thuởng cho anh Trần Văn Q được 1.150.000 đồng, số tiền này V đã mua ma túy và chơi game hết. Ngày 06/5/2020 V đi sang thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tìm việc làm và mua ma túy sử dụng thì bị Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang và khởi tố điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với các tang vật vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm và đã thu giữ được 05 thẻ cào điện thoại di động mạng Viettel mỗi thẻ mệnh giá 100.000đ; 01 xe mô tô biển kiểm soát 12H1- 06183 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy. Còn đối với 02 chiếc điện thoại: V khai nhận chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL của bà Ma Thị N, trong ngày 02/5/2020 V đi mua ma túy đã làm mất; Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y91 của Vi Văn T, V bán cho Trần Văn Q, Quang khai nhận sau khi mua được 02 ngày, Q đã bán cho khách hàng không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/HĐĐGTS ngày 15/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T, xác định như sau:

+ Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1- 061.83, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơ Xanh - Đen - Bạc mà Hoàng Văn V chiếm đoạt giá trị còn lại 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

+ Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y91 mà Hoàng Văn V chiếm đoạt giá trị còn lại 2.694.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng*).

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 31/HĐĐGTS ngày 07/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T, xác định như sau:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel mà Hoàng Văn V chiếm đoạt giá trị còn lại 252.000 đồng (*Hai trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

+ 01 bao thuốc lá Thăng Long mà Hoàng Văn V chiếm đoạt có giá trị là 12.000 đồng (*Mười hai nghìn đồng*).

Giá trị 05 thẻ cào điện thoại Viettel, mỗi thẻ có mệnh giá 100.000 đồng mà Hoàng Văn V chiếm đoạt giá trị là 500.000 đồng (*Năm trăm năm nghìn đồng*).

Với nội dung sự việc trên, tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKSTĐ ngày 10/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện, T, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Văn V về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận hành vi của bị cáo gây ra là sai, vi phạm pháp luật. Bị hại ông Hoàng Văn S trình bày ông là bác trong họ với bị cáo Hoàng Văn V nên đã cho xe mô tô biển kiểm soát 12H1- 061.83, nhãn hiệu Honda Wave để bị cáo V mượn đưa bạn về nhà, nhưng V đã lừa đem đi cầm đồ lấy tiền tiêu sài hết, nay chiếc xe mô tô đã được Công an thu hồi và trả lại cho ông và không yêu cầu gì thêm; đối với bà Ma Thị N không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 252.000 đồng cho bà Nguyệt, ngoài ra bà Nguyệt không có yêu cầu gì thêm; đối với anh Vi Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường tiền chiếc điện thoại cho anh 2.694.000 đồng, yêu cầu của anh T được bị cáo Hoàng Văn V chấp nhận. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì thêm; đối với bà Lương Thị N không yêu cầu gì vì 05 thẻ cào điện thoại do đã được Cơ quan Công an thu và trả lại cho bà, còn bao thuốc lá Thăng Long giá trị không đáng kể nên bà không yêu cầu bị cáo trả lại. Ngoài ra bà ngọc không yêu cầu gì thêm; đối với anh Nguyễn Đức T, anh T nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1- 061.83, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn Xanh - Đen - Bạc với bị cáo Hoàng Văn V thì anh Tuyên không biết tài sản là do bị cáo V thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà có, nên đã tin tưởng và nhận cầm cố 4.500.000 đồng. Nay chiếc xe đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, còn số tiền cầm cố 4.500.000 đồng anh T không yêu cầu bị cáo trả lại, vì bị cáo nghiện ma túy, anh T đề nghị Tòa án xử lý bị cáo V theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh T không có ý kiến gì thêm; đối với Đỗ Xuân L cho xe mô tô bị cáo mượn và bị cáo đã trả lại xe, anh Lộc không có yêu cầu gì; đối với anh Nguyễn Xuân Đ mua 05 thẻ cào điện thoại cùng bị cáo Hoàng Văn V với giá 450.000 đồng, Cơ quan điều tra đã thu hồi số thẻ tội trả cho chủ sở hữu tài sản. Nay nay anh Đ không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền, vì bị cáo là người nghiện ma túy, anh Đ đề nghị Tòa án xử lý bị cáo V theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định trong phần tranh luận, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét tuyên bố bị cáo Hoàng Văn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị áp dụng điểm khoản 1 Điều 174; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn V từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù. Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có tài sản nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, căn cứ và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả cho bị cáo Hoàng Văn V 01 chứng minh nhân dân số 082204926 mang tên Hoàng Văn V; về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Hoàng Văn V phải trả cho anh Vi Văn T 2.694.000 đồng; đối với anh T, anh Đ, bà N, bà N không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà do bị cáo chiếm đoạt được và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, xử cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện T trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt bà Lương Thị N, bà Ma Thị N, anh Nguyễn Đức T, anh Nguyễn Xuân Đ, giấy triệu tập được tổng đạt hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai. Xét thấy, vắng mặt bà Lương Thị N, bà Ma Thị N, anh Nguyễn Đức T, anh Nguyễn Xuân Đ không ảnh hưởng đến việc xét xử.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đồng thời hoàn toàn phù hợp với biên bản thu giữ đồ vật, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ ngày 02 đến 05/5/2020 Hoàng Văn V đã có 3 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Tổng giá trị tài sản mà Hoàng Văn V lừa đảo của các bị hại 10.658.000 đồng. Do đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố

bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây mất trật tự an ninh của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội, đồng thời bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, mắc vào tệ nạn xã hội, mục đích lừa đảo tài sản của người khác bán lấy tiền phục vụ lợi ích sử dụng ma túy, chơi game và tiêu sài của bản thân nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì thế cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bản thân đã gây ra.

[4] Về nhân thân: Tiền án, tiền sự: Không có; tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra, để từ đó bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, nhằm giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, xây dựng lối sống lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bản thân bị cáo không có tài sản hiện sống cùng bố, mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả cho bị cáo Hoàng Văn V 01 chứng minh nhân dân số 082204926 mang tên Hoàng Văn V; xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Định đã trả cho anh Hoàng Văn S chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1-061.83, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn Xanh - Đen - Bạc và giấy đăng ký xe mô tô; trả cho bà Lương Thị N 05 thẻ cào điện Viettel. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho cho anh Vi Văn T 2.694.000 đồng; đối với số tiền 4.500.000 đồng của anh Nguyễn Đức T; 252.000 đồng của bà Ma Thị N; 450.000 đồng của anh Nguyễn Xuân Đ và 12.000 đồng của bà Lương Thị N có đơn không yêu cầu bị cáo Hoàng Văn V trả lại số tiền nêu trên, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, trong số tiền bị cáo chiếm đoạt trên là tiền do bị cáo phạm tội mà có, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự (*các biện pháp tư pháp*) cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1-061.83 của anh Nguyễn Đức T và hành vi mua chiếc điện thoại di động nhãn

hiệu VIVO Y91 của Trần Văn Q và Nguyễn Xuân Đ mua 05 thẻ cào điện thoại mạng Viettel do không biết tài sản bị cáo Hoàng Văn V phạm tội mà có nên không xem xét xử lý anh T, Q và Đ trong vụ án này; đối với Đỗ Xuân L cho bị cáo Hoàng Văn V mượn xe mô tô là hoàn toàn vô tư, không biết bị cáo Hoàng Văn V sử dụng vào mục đích gì nên không xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn V bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 01 (một) 03 (ba) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo đi thi hành bản án.

2. Xử lý vật chứng: Trả cho bị cáo Hoàng Văn V 01 chứng minh nhân dân số 082204926 mang tên Hoàng Văn V.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan điều tra Công an huyện T ngày 18/8/2020).

2.2. Tịch thu số tiền 5.214.000 đồng (năm triệu hai trăm mười bốn nghìn) đồng của bị cáo Hoàng Văn V là tiền do phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn V phải trả cho anh Vi Văn T 2.694.000 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hoàng Văn V phải chịu phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo (qua nhà tạm giữ);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Người có QLNVLQ (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Bàn Văn Tiền